

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KỲ SƠN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2025/HNGĐ-ST

Ngày 25 tháng 06 năm 2025

V/v: *Tranh chấp nuôi con khi hủy kết
hôn trái pháp luật*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KỲ SƠN, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vi Thị Khuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Moong Thái Nhi;
2. Ông Moong Văn Vũ.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Quang Thái Tài - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Ông Và Bá Cửa- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 06 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 04 năm 2025 về “Tranh chấp nuôi con khi hủy kết hôn trái pháp luật”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2025/QĐXX-ST ngày 09 tháng 06 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Vi Thị A; Sinh ngày 01/07/1989;

Nơi cư trú: Bản K, thị trấn T, huyện T, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Anh La Văn M; Sinh ngày: 18/08/1985;

Nơi cư trú: Bản C, xã T, huyện K, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An (nay là thị trấn T). Địa chỉ: Khố H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Phùng H; Chức vụ: Chủ tịch. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Vi Thị A vắng mặt, tuy nhiên theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Vi Thị A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh La Văn M tiến hành đăng ký kết hôn vào ngày 27/02/2006 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An (nay là thị trấn T), hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, yêu thương nhau, cùng nhau vun vén xây dựng gia đình. Khoảng thời gian sau, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách, quan

điểm, lối sống không hợp, anh La Văn M không quan tâm, chăm sóc gia đình, chị Vi Thị A đã nhiều lần bỏ qua tha thứ, đã được hai bên gia đình nội ngoại hòa giải nhưng anh La Văn M vẫn không thay đổi. Chị Vi Thị A và anh La Văn M đã sống ly thân nhau từ năm 2015. Hiện nay, chị Vi Thị A không còn tình cảm với anh La Văn M và nhận thấy việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An (nay là thị trấn T) vào ngày 27/02/2006 lúc đó chị Vi Thị A mới 16 tuổi, 07 tháng, 26 ngày, vì vậy chị Vi Thị A đề nghị Tòa án giải quyết hủy việc kết hôn trái pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, đồng thời giải quyết ly hôn giữa chị và anh La Văn M.

Về con chung (con riêng): Chị Vi Thị A và anh La Văn M có 02 con chung là cháu La Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 23/5/2006 và cháu La Chí H, sinh ngày 05/01/2012, nay hủy kết hôn trái pháp luật và ly hôn cháu La Ngọc Quỳnh N đã đủ 18 tuổi nên chị Vi Thị A không yêu cầu Tòa án giải quyết, nguyện vọng của chị Vi Thị A là giao cháu La Chí H cho anh La Văn M chăm sóc nuôi dưỡng con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Vi Thị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Chị Vi Thị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn anh La Văn M vắng mặt, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án anh La Văn M trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh với chị Vi Thị A ngày tiến hành đăng ký kết hôn vào ngày 27/02/2006 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An (nay là thị trấn T), hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, yêu thương nhau, cùng nhau vun vén xây dựng gia đình. Khoảng thời gian sau, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách, quan điểm, lối sống không hợp. Anh La Văn M và chị Vi Thị A đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay và nhận thấy việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An (nay là thị trấn T) vào ngày 27/02/2006 lúc đó chị Vi Thị A 16 tuổi, 07 tháng, 26 ngày, vì vậy anh La Văn M đề nghị Tòa án giải quyết hủy việc kết hôn trái pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An (nay là thị trấn T).

Về con chung: Anh La Văn M và chị Vi Thị A có 02 con chung là cháu La Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 23/5/2006 và cháu La Chí H, sinh ngày 05/01/2012, nay hủy kết hôn trái pháp luật cháu La Ngọc Quỳnh N đã đủ 18 tuổi nên anh La Văn M không yêu cầu Tòa án giải quyết, nguyện vọng của anh La Văn M là được chăm sóc nuôi dưỡng cháu La Chí H cho đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Anh La Văn M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phùng H vắng mặt, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Phùng H trình bày như sau:

Qua kiểm tra sổ đăng ký kết hôn (quyển số 01/2006), UBND xã T (cũ) nay là thị trấn T đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (bản chính) cho công dân ghi số 07/2006 được đăng ký vào ngày 27/02/2006, tuy nhiên tại sổ gốc (sổ giấy) đã được lưu tại UBND thị trấn T lại ghi ngày 28/02/2006 (có sự sai lệch ngày đăng ký sổ giấy và bản chính đã cấp cho công dân là do sự sai sót của cán bộ trước đây).

Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận kết hôn cho chị Vi Thị A và anh La Văn M, UBND thị trấn T nhận thấy chị Vi Thị A, sinh ngày 01/07/1989 mới chỉ 16 tuổi, 07 tháng, 26 ngày chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định, đây cũng là sai sót của cán bộ tiếp nhận hồ sơ trước đây. Vậy UBND thị trấn T đề nghị Toà án nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại biên bản xác minh ngày 11/04/2025 về việc xác định ngày đăng ký kết hôn của chị Vi Thị A và anh La Văn M tại UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Nghệ An xác định như sau: Tại bản chính đã cấp giấy chứng nhận kết hôn cho công dân ghi ngày 27/02/2006, tuy nhiên thực tế tại sổ gốc (sổ giấy) được lưu tại UBND thị trấn T là ngày 28/02/2006 tại quyển sổ số 01/2006.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền, xác định quan hệ tranh chấp; Trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ, tổng đạt đảm bảo quyền của đương sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự từ Điều 239 đến Điều 260 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của Thư ký phiên tòa được thực hiện đúng quy định tại Điều 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 6 Điều 3; Điều 8, 11, 12, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về hôn nhân: Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Vi Thị A và anh La Văn M; về con chung: Giao 01 con chung là cháu La Chí H, sinh ngày 05/01/2012 cho anh La Văn M nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Vi Thị A do chị Vi Thị A và anh La Văn M không yêu cầu; về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; về án phí: Nguyên đơn chị Vi Thị A phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Vi Thị A yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp nuôi con khi hủy kết hôn trái pháp luật với anh La Văn M có địa chỉ

cư trú tại bản C, xã T, huyện K, tỉnh Nghệ An. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn theo quy định tại khoản 7 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ kiện Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành tốt các quyết định của Tòa án. Nguyên đơn chị Vi Thị A, bị đơn anh La Văn M và đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên việc giải quyết vụ án, xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng quy định tại Điều 207 và Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là có căn cứ, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị A và anh La Văn M tự nguyện kết hôn sau một thời gian tìm hiểu, có đăng ký kết hôn là tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An (nay là thị trấn T) vào ngày 27/02/2006 (ngày tại bản chính giấy chứng nhận kết hôn cấp cho công dân), vào ngày 28/02/2006 (ngày tại sổ gốc lưu tại Ủy ban nhân dân xã T). Qua xác minh và căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn, căn cước công dân thấy rằng chị Vi Thị A sinh ngày 01/07/1989. Tại thời điểm chị Vi Thị A và anh La Văn M tiến hành đăng ký kết hôn thì chị Vi Thị A mới chỉ 16 tuổi, 07 tháng, 26 ngày là chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Quá trình chung sống, thời gian đầu chị Vi Thị A và anh La Văn M chung sống hạnh phúc, yêu thương nhau, cùng nhau vun vén xây dựng gia đình. Khoảng thời gian sau, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách, quan điểm, lối sống không hợp. Anh La Văn M và chị Vi Thị A đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay chị Vi Thị A và anh La Văn M đều thống nhất yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật. Do đó cần áp dụng khoản 2 và khoản 4 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC- VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Vi Thị A và La Văn M.

[3.2] Về con chung: Chị Vi Thị A và anh La Văn M 02 con chung là cháu La Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 23/5/2006 và cháu La Chí H, sinh ngày 05/01/2012, nay hủy kết hôn trái pháp luật cháu La Ngọc Quỳnh N đã trưởng thành, đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với cháu La Chí H chị Vi Thị A có nguyện vọng giao cháu La Chí H cho anh La Văn M nuôi dưỡng và chăm sóc con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng. Anh La Văn M đồng ý theo yêu cầu của chị Vi Thị A. Xét thấy, cháu La Chí H có nguyện vọng xin ở với anh La Văn M, đương sự thỏa thuận được với nhau về việc nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Vì vậy, cần giao 01 con chung là cháu La Chí H, sinh ngày 05/01/2012 cho anh La Văn M được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành là phù hợp, đúng quy định, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Do chị Vi Thị A và anh La Văn M thống nhất không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng đối với chị Vi Thị A. Trường hợp anh La Văn M nuôi con không đảm bảo quyền, lợi ích của con mà chị Vi Thị A có căn cứ chứng minh thì có quyền làm đơn thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp chị Vi Thị A lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh La Văn M có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị Vi Thị A.

[3.3] Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Nguyên đơn chị Vi Thị A và bị đơn anh La Văn M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đối với việc đăng ký kết hôn của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An (nay là thị trấn T), đã thực hiện việc đăng ký kết hôn cho chị Vi Thị A và anh La Văn M không đúng quy định của pháp luật. Tại thời điểm đăng ký kết hôn chị Vi Thị A mới chỉ 16 tuổi, 07 tháng, 26 ngày theo Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 thì chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn, do vậy Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An (nay là thị trấn T) có lỗi trong việc đăng ký kết hôn cho chị Vi Thị A và anh La Văn M về độ tuổi của chị Vi Thị A khi thực hiện việc đăng ký kết hôn. Hội đồng xét xử đề nghị Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Nghệ An rút kinh nghiệm trong việc đăng ký kết hôn nêu trên, nếu có vi phạm thì xử lý theo quy định của pháp luật.

[5] Các đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc giải quyết toàn bộ vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Vi Thị A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ khoản 6 Điều 3, Điều 8, 11, 12, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ theo khoản 2 và khoản 4 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC- VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thị A.

1. Về hôn nhân: Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Vi Thị A và anh La Văn M; Hủy giấy chứng nhận kết hôn số 07/2006 ngày 27/02/2006 (tại sổ gốc là

ngày 28/02/2006) do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An (nay là thị trấn T, huyện T, tỉnh Nghệ An) cấp cho chị Vi Thị A và anh La Văn M.

Chị Vi Thị A và anh La Văn M phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu La Chí H, sinh ngày 05/01/2012 cho anh La Văn M được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị Vi Thị A do chị Vi Thị A và anh La Văn M thống nhất không yêu cầu. Chị Vi Thị A có quyền, nghĩa vụ chăm sóc, thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp anh La Văn M là người trực tiếp nuôi con chung không đảm bảo quyền, lợi ích của con mà chị Vi Thị A có căn cứ chứng minh thì chị Vi Thị A có quyền yêu cầu Tòa án xem xét, thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp chị Vi Thị A lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh La Văn M có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị Vi Thị A.

3. Về án phí: Chị Vi Thị A phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đã nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo biên lai thu số 0001148 ngày 02/04/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An (Chị Vi Thị A đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Vi Thị A và bị đơn anh La Văn M vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Kỳ Sơn;
- Chi cục THADS huyện Kỳ Sơn;
- UBND thị trấn T, H. T;
- Lưu hồ sơ; VP.TA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Vi Thị Khuyên